

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Chương trình kỳ họp HĐND tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 7 và trên cơ sở nội dung báo cáo của các Sở: Dân tộc và Tôn giáo tại Báo cáo số 1374/BC-SDTTG ngày 11 tháng 11 năm 2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 5797/BC-SNN&MT ngày 04 tháng 11 năm 2025 và đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 4066/STC-QLN ngày 14 tháng 11 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025

1. Về xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và các hướng dẫn của Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành (bao gồm sửa đổi, bổ sung) các văn bản quy định về cơ chế, chính sách về quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; trong đó, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 35 Nghị quyết¹, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 40 Quyết định², 30 Kế hoạch³. Đến nay, việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành công tác tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy trình thủ tục và phù hợp khi áp dụng vào thực tiễn.

2. Công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Năm 2025 là năm cuối cùng tổ chức triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; theo đó, được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của tỉnh và sự nỗ lực, phối hợp đồng bộ trong triển khai thực hiện của các ngành và địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực. Ngay từ đầu năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2025; ban hành kế hoạch thực hiện năm 2025 của từng Chương

¹ Quảng Ngãi (cũ): 12 Nghị Quyết, Kon Tum (cũ): 23 Nghị quyết

² Quảng Ngãi (cũ): 20 Quyết định, Kon Tum (cũ): 20 Quyết định

³ Quảng Ngãi (cũ): 07 Kế hoạch, Kon Tum (cũ): 23 Kế hoạch

trình mục tiêu quốc gia⁴. Qua đó, giao mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và chỉ đạo các Sở ngành, địa phương tập trung thực hiện nhằm hoàn thành kế hoạch thực hiện của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời: (1) kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025⁵; (2) ban hành nhiều văn bản⁶ chỉ đạo, điều hành, đảm bảo việc tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được xuyên suốt, hiệu quả; (3) ban hành Quyết định áp dụng đối với 02 Quyết định⁷, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết áp dụng đối với 02 Nghị quyết⁸.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương khẩn trương thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh⁹; thực hiện các thủ tục điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công¹⁰ thuộc các Chương trình của 02 tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi (cũ) thành tỉnh Quảng Ngãi (mới) *(bao gồm xử lý chuyển tiếp kế hoạch vốn của cấp huyện khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp)*¹¹; chỉ đạo¹² các cơ quan chuyên môn rà soát, tổng hợp và đề xuất: (i) phương án xử lý đối với số vốn sự nghiệp được giao cho các phòng ban của huyện nhưng chưa được cấp huyện xử lý chuyển tiếp trước khi kết thúc hoạt động; (ii) rà soát và đề xuất nhu cầu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công *(bao gồm việc tiếp tục hiệu chỉnh, cập nhật kế hoạch vốn cấp huyện đã giao vào kế hoạch vốn của tỉnh quản lý)*.

Trên cơ sở rà soát, đề xuất của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư

⁴ Gồm: (1) Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ): số 234/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025; số 236/KH-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025; (2) Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁵ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025.

⁶ Bao gồm: (1) Công văn số 563/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 về tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; (2) Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2025, trong đó có giao chỉ tiêu giảm nghèo phân cho từng xã, phường, đặc khu; (3) Công văn số 604/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 và 2462/UBND-KGVX ngày 25/9/2025 về khẩn trương triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

⁷ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023.

⁸ Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi phân cấp thẩm quyền cho HĐND cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021-2025 tại địa phương thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁹ Công văn số 604/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 và số 2462/UBND-KGVX ngày 25/9/2025

¹⁰ theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

¹¹ Tại các Nghị quyết: (1) số 19/NQ-HĐND ngày 22/8/2025, (2) 20/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 và (3) số 21/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và các Quyết định: (1) số 82/QĐ-UBND ngày 17/9/2025; (2) số 83/QĐ-UBND ngày 17/9/2025; (3) số 92/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

¹² Công văn số 2698/UBND-KTTH ngày 21/9/2025 và số 2817/UBND-KGVX ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh

công¹³, phân bổ số vốn sự nghiệp chưa giao chi tiết¹⁴ (thuộc kế hoạch vốn của cấp huyện chưa xử lý chuyên tiếp) theo thẩm quyền¹⁵; đồng thời, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài sang năm 2025) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia¹⁶.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện từng tiểu dự án, dự án thành phần của các Chương trình vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc dẫn đến tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo kế hoạch tiến độ đề ra. Nguồn vốn đầu tư các chương trình MTQG chủ yếu được bố từ nguồn ngân sách nhà nước, việc huy động nguồn lực xã hội gặp nhiều khó khăn, vì vậy nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu của các chương trình vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, ảnh hưởng đến việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

II. Tình hình thực hiện của các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Về thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

a) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt từ - 3-4 % bình quân hàng năm. Kết quả thực hiện ước đạt 4,64%, đạt kế hoạch đề ra.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phấn đấu đến 31 tháng 12 năm 2025 hoàn thành đưa vào sử dụng 26/28 dự án (*dự án chuyển tiếp*) sắp xếp, ổn định dân cư tập trung, tại chỗ, xen ghép cho 9.651 hộ (*Tỉnh Kon Tum cũ: 9.231/6.644 hộ, Tỉnh Quảng Ngãi cũ: 420/669 hộ*) tại địa bàn các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đạt 131,97% so với kế hoạch đề ra.

- Tổ chức 09 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín, quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện cho 912 người có uy tín (*Trong đó: Tỉnh Kon Tum (cũ) 605 người, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) cho 307 người*) trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho hơn 2.037 cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, lực lượng cán bộ công an tỉnh, ban giám hiệu các trường nội trú, bán trú vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 46 lớp tập huấn cho cán bộ cộng đồng với khoảng trên 3.000 người (*trưởng thôn, bí thư chi bộ, các ban, ngành đoàn thể thôn...*) trên địa bàn.

- Hoàn thành nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa 121 km đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống của Nhân dân giai đoạn 2021-2025; đầu tư 85 công trình nước sinh hoạt tập trung, hỗ trợ cho 100% hộ sử dụng nước sinh hoạt phân tán (*Mua sắm trang bị téc, lu, bồn chứa nước....*). Tiếp tục xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 31/31 trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT),

¹³ Tại các Quyết định: số 175/QĐ-UBND ngày 09/11/2025; số 176/QĐ-UBND ngày 09/11/2025 của UBND tỉnh

¹⁴ Tại các Quyết định: số 192/QĐ-UBND ngày 13/11/2025, số 191/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 và số 198/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh

¹⁵ Quy định tại điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 275/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ và tại điểm b, khoản 4, Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội

¹⁶ Các Nghị Quyết số: 39/NQ-HĐND ngày 12/11/2025; 39/NQ-HĐND ngày 12/11/2025; 38/NQ-HĐND ngày 12/11/2025; 42/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh.

trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mục tiêu giai đoạn 2021-2025 đề ra.

- Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ đạt 80,5%, vượt chỉ tiêu (Chỉ tiêu giao 75%). Hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS&MN. Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng đồng bào DTTS&MN đạt 23,2% năm 2024 vượt chỉ tiêu (chỉ tiêu giao 23%). Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng đồng bào DTTS&MN đạt 28,9% năm 2024 gần đạt chỉ tiêu (chỉ tiêu giao 29%).

- Các thiết chế văn hóa, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của đồng bào được giữ gìn và phát huy, từng bước nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Đến nay, tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 96,425%; tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng đạt trên 66,5%.

b) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh Quảng Ngãi mới đến cuối năm 2024 là 4,27%, tương ứng 22.925 hộ nghèo, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi 8,04%, tỷ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng 1,69%.

- Dự kiến kế hoạch đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giảm từ 4,27% xuống còn 1,86%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi giảm từ 8,04% xuống còn 2,51%, tỷ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng giảm từ 1,69% xuống còn 1,37%. Ước thực hiện năm 2025 đạt chỉ tiêu so với kế hoạch.

- 100% các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- 100% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

c) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Trước khi sáp nhập, tính đến 30/6/2025, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 03 huyện

đạt chuẩn NTM, có 98 xã đạt chuẩn NTM; 12 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; tỉnh Kon Tum (cũ) có 51 xã đạt chuẩn NTM; 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu¹⁷.

- Thực hiện sáp nhập các xã, sáp nhập tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Quảng Ngãi có 86 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở rà soát hiện trạng theo nguyên tắc¹⁸ và thực tiễn triển khai chương trình tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, số tiêu chí bình quân/xã: 15,31 tiêu chí (đánh giá theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025).

- Theo kế hoạch năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi (bao gồm tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Kon Tum) có thêm 14 xã¹⁹ đạt chuẩn nông thôn mới, có 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Với thực trạng sắp xếp các đơn vị hành chính, UBND tỉnh đã thống nhất không phân khai chỉ tiêu xã nông thôn mới năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi²⁰.

- Chuyên đề OCOP và du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới:

+ Đến nay, toàn tỉnh Quảng Ngãi có: 643 sản phẩm OCOP còn thời hạn, trong đó có: 02 sản phẩm đạt OCOP 5 sao, 55 sản phẩm đạt OCOP 4 sao và 586 sản phẩm đạt OCOP 3 sao; có 320 chủ thể có sản phẩm đạt OCOP gồm 52 Doanh nghiệp (199 sản phẩm); 107 Hợp tác xã (200 sản phẩm); 158 cơ sở/hộ kinh doanh (241 sản phẩm); 03 Tổ hợp tác (3 sản phẩm).

+ Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đã tạo bước chuyển mạnh mẽ trong nhận thức và tư duy phát triển kinh tế nông thôn. Chương trình đã góp phần quan trọng trong chuyển đổi tư duy của chính quyền, người dân và doanh nghiệp từ “làm nông” sang “làm du lịch”, từ sản xuất đơn giá trị sang phát triển kinh tế nông thôn tích hợp đa giá trị (nông nghiệp - văn hóa - sinh thái - dịch vụ). Luỹ kế sau sáp nhập, tỉnh Quảng Ngãi có 16 điểm du lịch²¹ được UBND tỉnh công nhận theo Luật Du lịch do cộng đồng quản lý, cụ thể: tỉnh Kon Tum (cũ) có 15 điểm và tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 01 điểm; có 02 sản phẩm còn hạn OCOP 3 sao gồm: Dịch vụ du lịch cộng đồng Rừng dừa nước Tịnh Khê, Dịch vụ du lịch cộng đồng Thắng Lợi (công nhận năm 2025). Những mô hình du lịch này không chỉ làm thay đổi bộ mặt của nông thôn mà còn tạo ra rất nhiều giá

¹⁷ Tổng có 149/229 xã đạt chuẩn NTM (đạt tỷ lệ 65,06%), 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

¹⁸ Nguyên tắc rà soát, xác định mức độ đạt chuẩn của xã sau sáp nhập:

- Xã đạt chuẩn NTM (là thị trấn, xã đã đạt chuẩn NTM sáp nhập với xã đạt chuẩn NTM; hoặc xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu). - Xã đạt NTM nâng cao (là các xã NTM nâng cao nhập với xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu).

- Xã đạt NTM kiểu mẫu (là các xã NTM kiểu mẫu nhập với xã NTM kiểu mẫu). - Xã chưa đạt chuẩn NTM (các xã chưa đạt chuẩn NTM nhập với thị trấn/hoặc các xã đã đạt chuẩn NTM; hoặc các xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc các xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu).

¹⁹ Trong đó: Tỉnh Quảng Ngãi (cũ) 6 xã, tỉnh Kon Tum (cũ) 8 xã.

²⁰ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025 và nhiệm vụ giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2025.

²¹ 16 Điểm du lịch do cộng đồng quản lý: Làng du lịch cộng đồng Kon Kơ Tu (xã Đăk Rơ Wa); Làng Du lịch cộng đồng Kon Jơ Dri (xã Đăk Rơ Wa); Làng du lịch cộng đồng Kon Klor (phường Kon Tum); Điểm du lịch A Bui (xã Ngọc Bay); Điểm du lịch Hồ Đam Bri (Mãng Đen); Điểm du lịch Thác Pa Sỷ (xã Mãng Đen); Điểm du lịch sinh thái Êban Farm (xã Kon Plông); Điểm du lịch sinh thái Thiện Mỹ Farm (xã Kon Plông); Điểm du lịch Làng Văn hóa - Du lịch Kon Pring (xã Kon Plông); Điểm du lịch Nhà máy Rượu Vang Sim (xã Mãng Đen); Làng du lịch cộng đồng Vi Rơ Ngheo (xã Mãng Đen); Làng du lịch cộng đồng Kon Trang Long Loi (xã Đăk Hà); Làng du lịch cộng đồng Đăk Răng (xã Dục Nông); Khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Chư Mom Ray; Làng du lịch cộng đồng thôn Tu Thố (xã Mãng Ri); Điểm du lịch “Rừng dừa nước Tịnh Khê” (xã Tịnh Khê).

trị, góp phần bảo tồn và phát huy những nét văn hóa độc đáo của địa phương; tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân, đưa kinh tế phát triển theo hướng bền vững.

2. Về kết quả thực hiện các dự án thành phần của các Chương trình

Kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động, tiêu dự án, dự án thành phần của từng Chương trình trong năm 2025 (*chi tiết tại các Phụ lục số 1, 2 và 3 kèm theo*).

III. Công tác phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2025

Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý bố trí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 là **4.492,218 tỷ đồng** (bao gồm: vốn đầu tư công là 2.254,863 tỷ đồng và vốn sự nghiệp là 2.237,355 tỷ đồng). Tổng giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 của các Chương trình MTQG tính đến ngày 14/11/2025 là 1.502,731 tỷ đồng, bằng 33,5 % kế hoạch (trong đó: vốn đầu tư công là 1.099,607 tỷ đồng, bằng 48,8%; Vốn sự nghiệp là 403,124 tỷ đồng, bằng 18,0%); phân đầu đến hết năm 2025 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công, riêng nguồn vốn sự nghiệp gặp nhiều khó khăn trong triển khai và giải ngân vốn nên khả năng không giải ngân hết số kế hoạch vốn năm 2025 đã giao. Chi tiết các nguồn vốn như sau:

2.1. Đối với nguồn vốn đầu tư công

a) Về kế hoạch vốn: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các chương trình MTQG là **2.254,863 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 1.415,166 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 839.697 tỷ đồng). Bao gồm:

- Kế hoạch vốn năm 2025 là **1.832,285 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 1.122,950 tỷ đồng²², ngân sách địa phương 709,335 tỷ đồng).

- Vốn kéo dài năm 2024 về trước chuyển sang là **422,578 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 292,215 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 130,363 tỷ đồng).

b) Về kết quả giải ngân kế hoạch vốn: Tổng giá trị giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của các chương trình MTQG tính đến ngày 14 tháng 11 năm 2025 là 1.099,607 tỷ đồng (trong đó: ngân sách trung ương là 752,894 tỷ đồng, ngân sách địa phương 346,713 tỷ đồng), bằng 48,8% kế hoạch. Bao gồm:

- Kế hoạch vốn năm 2025 là **852,487 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 569,041 tỷ đồng, ngân sách địa phương 283,446 tỷ đồng), bằng 46,5% kế hoạch.

- Vốn kéo dài năm 2024 về trước chuyển sang là **247,120 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 183,853 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 63.267 tỷ đồng), bằng 58,5% kế hoạch.

²² Không bao gồm số vốn 13,167 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và 43,713 tỷ đồng thuộc CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Chi tiết từng chương trình theo phụ lục đính kèm)

2.2. Đối với nguồn vốn sự nghiệp

a) Về kế hoạch vốn: Tổng kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 thực hiện các chương trình MTQG là **2.237,355 tỷ đồng** (trong đó, ngân sách trung ương là 2.055,600 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 181,755 tỷ đồng). Bao gồm:

- Kế hoạch vốn năm 2025 là **1.024,416 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 939,323 tỷ đồng, ngân sách địa phương 85,093 tỷ đồng).

- Vốn kéo dài năm 2024 về trước chuyển sang là **1.212,939 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 1.116,277 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 96,622 tỷ đồng).

b) Về kết quả giải ngân kế hoạch vốn: Tổng giá trị giải ngân kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 của các chương trình MTQG tính đến 14 tháng 11 năm 2025 là 403,124 tỷ đồng (trong đó: ngân sách trung ương là 259,537 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 92,930 tỷ đồng), bằng 18,0% kế hoạch. Bao gồm:

- Kế hoạch vốn năm 2025 là **122,603 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 80,221 tỷ đồng, ngân sách địa phương 42,382 tỷ đồng), bằng 12,0% kế hoạch.

- Vốn kéo dài năm 2024 về trước chuyển sang là **280,521 tỷ đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 223,653 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 65,868 tỷ đồng), bằng 23,1% kế hoạch

(Chi tiết từng chương trình theo phụ lục đính kèm)

IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

- Cấp ủy, chính quyền địa phương đã chủ động ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, điều hành, hệ thống cơ chế, chính sách, chủ động trong công tác tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập, kiện toàn kịp thời, thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả. Quá trình thực hiện Chương trình tại các đơn vị, địa phương luôn nhận được sự phối hợp tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Các cấp thẩm quyền đã kịp thời ban hành các văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn để tổ chức thực hiện Chương trình đã được các Bộ ngành Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ bản đầy đủ theo thẩm quyền và cùng với đó là Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã được kiện toàn đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ. Cơ quan Thường trực các chương trình cùng các sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực trong tham mưu và trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đã giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

nắm bắt các kỹ thuật trong phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp từ đó đã chủ động áp dụng kỹ thuật và duy trì hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập để thoát nghèo; hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, công tác dạy nghề, giải quyết việc làm đã giúp cho người lao động tiếp cận được các khoa học tiên tiến, kỷ luật trong lao động từ đó làm thay đổi tư duy nhận thức trong lao động tăng thu nhập vươn lên hộ khá, hộ giàu.

- Công tác tuyên truyền được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện sâu rộng đến từng cộng đồng dân cư gắn với việc hỗ trợ có điều kiện đối với các dự án phát triển sản xuất đã làm tăng tính hiệu quả của dự án, hộ nghèo được thay đổi nhận thức từ tư tưởng chỉ muốn tiếp nhận hỗ trợ một cách thụ động sang tính chủ động hơn trong việc sẵn sàng góp vốn, vật tư để cùng nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước thực hiện các dự án.

* Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở; sự tham gia của cộng đồng, nhất là đã tạo được sự đồng thuận hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chung của tỉnh; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là các hộ nghèo vùng đặc biệt khó khăn được nâng lên rõ nét, bộ mặt nông thôn trong tỉnh có nhiều khởi sắc góp phần giữ vững an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Khó khăn, vướng mắc

a) Các khó khăn, vướng mắc chung của 03 Chương trình:

- Sau khi thực hiện sáp nhập tỉnh và chính quyền 02 cấp: (i) số lượng đầu mối trực thuộc tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tăng; do đó, việc theo dõi tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình cần phải có nhiều thời gian để thực hiện phù hợp với điều kiện bộ máy hiện nay; (ii) nhiều công chức cấp xã thay đổi vị trí công tác, trong khi cấp xã còn phải tiếp nhận nhiều nhiệm vụ từ cấp huyện (cũ) nên hoạt động quản lý, theo dõi, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình gặp nhiều khó khăn.

- Khối lượng văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình rất lớn, nhất là sau khi sáp nhập, trong thời gian chờ cấp thẩm quyền quyết định việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật, thì phải áp dụng song song các văn bản quy phạm pháp luật của 02 tỉnh (cũ) đã ban hành; do đó, các đơn vị chủ trì các Dự án, Tiểu dự án thành phần, chủ trì các Chương trình và các đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các nội dung, các tiểu dự án, dự án của Chương trình vừa phải nghiên cứu, tham mưu triển khai thực hiện, vừa hoàn thành nhiệm vụ khác cũng ảnh hưởng lớn trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

- Đối với vốn đầu tư công: Nhiều công trình/dự án phải thực hiện rà soát,

điều chỉnh; việc triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn năm 2025.

- Đối với giải ngân vốn sự nghiệp: (i) một số nội dung hỗ trợ của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia²³ không còn đối tượng hỗ trợ²⁴; (ii) cơ chế thực hiện hỗ trợ trong năm 2025 khó thực hiện²⁵; (iii) định mức hỗ trợ thực hiện một số nội dung các Chương trình mục tiêu quốc gia thấp, không khuyến khích các đối tượng tham gia²⁶; (iv) đến tháng 5/2025, Trung ương mới phân bổ kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nên kinh phí chưa giải ngân của một số dự án còn lại rất lớn²⁷.

b) Đối với từng Chương trình cụ thể:

b1) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Hiện nay một số xã thuộc địa bàn vùng DTTS mặc dù đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới song còn gặp nhiều khó khăn, không có khả năng tự huy động nguồn lực cho sự phát triển kinh tế- xã hội để duy trì kết quả đã đạt được.

b2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

- Việc huy động lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người có thu nhập thấp tham gia học nghề gặp nhiều khó khăn (bản thân người lao động không muốn tham gia học nghề) nên không thể triển khai đặt hàng đào tạo nghề cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nghề, khó khăn trong giải ngân nguồn kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 4. Đồng thời công tác vận động người lao động đi làm việc ở nước ngoài đối với địa bàn huyện nghèo gặp nhiều khó khăn. Bởi vì, người lao động không muốn đi làm việc xa nhà; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động chưa phối hợp trong cung cấp chứng từ thanh toán để hỗ trợ cho lao động hoàn thiện hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ, đảm bảo quyền và lợi ích và giảm chi phí cho người lao động sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tiểu dự án 3, Hỗ trợ việc làm bền vững (vốn đầu tư phát triển), chưa có hướng dẫn cụ thể để địa phương xây dựng phần mềm thu thập, phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tích hợp được với các phần mềm của Trung ương.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 và được rà soát công nhận theo thủ tục tại Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30

²³ Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

²⁴ Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; Đối tượng đào tạo nghề, đào tạo sau đại học, đào tạo tập huấn..., hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy kinh doanh khởi nghiệp....

²⁵ Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 thực hiện trong năm 2025 còn rất ít thời gian thực hiện và sẽ thu hồi vốn trong năm 2025 nên không có đối tượng đăng ký tham gia dự án.

²⁶ Như hỗ trợ mức tiền ăn cho đối tượng đào tạo nghề, mức hỗ trợ phát triển sản xuất...

²⁷ Tiểu Dự án 2, dự án 3 (nội dung được liệt kê quý); Tiểu Dự án 2, dự án 10 (thiết lập điểm ứng dụng CNTT).

tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo đó, là hộ nghèo, hộ cận nghèo do thiếu hụt các chỉ số trong các dịch vụ xã hội cơ bản. Tuy nhiên, hiện nay chưa có đầy đủ các chính sách giảm nghèo để tác động đến tất cả các chiều thiếu hụt (nhà ở, thông tin, nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh) và nhiều chỉ số không thể tác động và tác động mang tính lâu dài (y tế, giáo dục, người phụ thuộc, dinh dưỡng..). Do đó, công tác giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp nhiều khó khăn.

- Việc thực hiện giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (*không có khả năng lao động, không có đất sản xuất*) gặp nhiều khó khăn; các chính sách hiện nay của Chương trình khó tác động để thoát nghèo bền vững.

- Ngày 11 tháng 3 năm 2025 Trung ương mới phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các địa phương thực hiện; do vậy, việc triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình tại các cấp và các sở, ngành còn chậm.

c) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Các xã gặp một số khó khăn trong thực hiện một số tiêu chí nông thôn mới như: (i) Về quy hoạch: Sau sáp nhập quy hoạch tổng thể của các xã cũ có thể không còn phù hợp, cần phải rà soát, điều chỉnh lại, tốn thời gian và nguồn lực; (ii) Về giao thông: Tổng chiều dài đường giao thông (trục xã, liên xã, đường xóm, ngõ xóm) tăng lên đáng kể, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn để nâng cấp, mở rộng và bê tông hóa đạt chuẩn; (iii) Về tiêu chí Thu nhập và giảm nghèo: Các xã sáp nhập thường có sự chênh lệch về mức sống (thu nhập), tỷ lệ hộ nghèo. Việc nâng cao thu nhập bình quân đầu người và giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống mức quy định của tiêu chí nông thôn mới là một thách thức lớn, nhất là khi người dân còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước; (iv) Về tiêu chí môi trường: Việc quản lý môi trường, thu gom và xử lý rác thải trở nên phức tạp hơn. Điều này là do địa bàn sau sáp nhập rộng lớn hơn và dân cư có thể sống phân tán, gây khó khăn trong công tác tổ chức và triển khai các giải pháp môi trường.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những khó khăn như trên, qua báo cáo của các cơ quan Chủ quản chương trình và các địa phương thì vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể như sau:

- Kết quả về thực hiện các nội dung của các Chương trình MTQG chưa được kịp thời, chưa đồng bộ tại các địa phương, chưa có sự phối hợp và mang tính quyết tâm cao giữa các Chủ đầu tư, chính quyền cơ sở và các cơ quan có liên quan. Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư chưa thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy giải ngân vốn được giao, đảm bảo tỷ lệ theo quy định; chưa kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai để hướng dẫn hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Việc đẩy mạnh thực hiện trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được quyết liệt, chưa đáp ứng tiến độ và từ đó đã ảnh hưởng đến công tác triển khai đầu tư xây dựng dự án tại các địa phương và kết quả giải ngân còn thấp so với kế hoạch vốn giao.

- Nhu cầu của người lao động về học nghề chưa cao, chưa tích cực tham gia học nghề để chuyển đổi nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập sau học nghề; chính sách hỗ trợ cho người học theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, các mức hỗ trợ vẫn còn thấp (gồm tiền ăn, tiền đào tạo), mặc dù Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây) đã ghi nhận kiến nghị của tỉnh nhưng vẫn chưa được điều chỉnh, dẫn đến khó tuyển sinh, thu hút người học.

b) Nguyên nhân

- Việc khảo sát, rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện (cũ) chưa sát nhu cầu thực tế. Trong khi đó, đối tượng thụ hưởng trên địa bàn đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tương đối lớn, chủ yếu tập trung ở địa bàn miền núi của tỉnh nên việc triển khai Chương trình đến cơ sở còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị, địa phương chưa kịp thời, chưa thực sự quyết liệt đến từng dự án, tiểu dự án. Việc theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chương trình chưa thường xuyên và hiệu quả, chưa có những giải pháp hữu hiệu và đồng bộ để tổ chức thực hiện các Chương trình tại địa phương triển khai mang tính khả thi cao.

- Hoạt động tuyên truyền, vận động đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong việc tham gia hưởng ứng thực hiện các nội dung của các Chương trình mục tiêu quốc gia chưa được thường xuyên, sâu rộng; một số cơ quan, đơn vị ở cơ sở chưa chủ động, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, còn tâm lý sợ trách nhiệm, sợ sai không chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền đã được phân cấp.

V. Nhiệm vụ giải pháp thực hiện trong các tháng cuối năm 2025

1. Tập trung, nỗ lực thực hiện hiệu quả, đồng bộ việc lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực, khơi dậy, thu hút được sự quan tâm, tham gia đóng góp của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia nói riêng và góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

2. Thường xuyên liên hệ, cập nhật, nắm bắt thông tin hướng dẫn và quy định của Trung ương trong quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, kịp thời Chỉ đạo các sở ban ngành và địa phương hoàn thiện các thủ tục, trình cấp thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định để đảm bảo hiệu quả và hiệu lực trong công tác tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn mới.

3. Tổ chức quán triệt, thông tin, truyền thông, phổ biến pháp luật, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và đối tượng có liên quan về các Chương trình MTQG nhằm nâng cao nhận thức và năng lực, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong triển khai thực hiện.

4. Chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc, nhất là công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án tại địa phương; đồng thời, nâng cao tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cấp cơ sở trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình tổ chức thực hiện và giám sát các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ, trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm để nhân rộng các mô hình hay, quy trình linh hoạt, cách làm sáng tạo trong công tác triển khai thực hiện các Chương trình MTQG nhằm đẩy nhanh giải ngân nguồn vốn trung ương, nhất là nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

6. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của các cấp, các ngành trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: đảm bảo thời gian, nội dung và các biểu mẫu quy định; số liệu báo cáo phải chính xác, trung thực.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, NNMT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHT}in.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tâm Hiến